CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm xây dựng văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các thủ tục hành chính theo đúng Phương án đơn giản hóa đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật,

pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của Trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Nhóm thủ tục về Cấp đổi và xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận:

1. Thủ tục Cấp đổi và xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163261-TT

2. Thủ tục Cấp đổi và xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163578-TT

Bổ sung quy định về thời hạn trích đo địa chính thửa đất.

Nhóm thủ tục về Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác:

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163558-TT

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại phường. B-BTM-163580-TT

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác cho hộ gia đình, cá nhân,

cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại xã, thị trấn. B-BTM-163534-TT

6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163559-TT

7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam trên địa bàn phường. B-BTM-163363-TT

8. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất tại xã, thị trấn mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163363-TT

9. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chủ sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163560-TT

10. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại phường. B-BTM-163585-TT

11. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại xã, thị trấn. B-BTM-163375-TT

12. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chủ sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163561-TT

13. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại phường. B-BTM-163592-TT

14. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đang sử dụng đất tại xã, thị trấn. B-BTM-163592-TT

Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết là không quá năm mươi (50) ngày làm việc (kể cả thời gian trích đo địa chính thửa đất nhưng không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính). Trong đó, quy định cụ thể thời gian thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị.

Nhóm thủ tục về Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất:

15. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163562-TT

16. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163597-TT

a) Bổ sung quy định về thời gian, thời lượng của việc đăng tin, niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương;

b) Bãi bỏ "Giấy tờ xác nhận việc mất Giấy chứng nhận của công an cấp xã nơi mất giấy" trong thành phần hồ sơ.

Nhóm thủ tục về Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây:

17. Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163563-TT

18. Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi

về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163603-TT

a) Bổ sung quy định "người có Giấy chứng nhận không phải thực hiện thêm bất cứ một thủ tục hành chính nào khi trên Trang 4 của Giấy chứng nhận không còn chỗ để xác nhận thay đổi";

b) Bổ sung quy định để cụ thể hóa nội dung "các giấy tờ theo quy định của pháp luật đối với trường hợp nội dung biến động phải được phép của cơ quan có thẩm quyền".

Nhóm thủ tục về Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

19. Thủ tục Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163564-TT

20. Thủ tục Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163604-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Bản gốc Giấy chứng nhận trong trường hợp đã có Giấy chứng nhận".

Nhóm các thủ tục về Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:

21. Thủ tục Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163565-TT

22. Thủ tục Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163609-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Bản gốc Giấy chứng nhận trong trường hợp đã có Giấy chứng nhận".

Nhóm các thủ tục về Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp tách thửa hoặc hợp thửa đất:

23. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp tách thửa hoặc hợp thửa đất đối với tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163574-TT

24. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp tách thửa hoặc hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM-163605-TT

Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết đối với trường hợp nộp giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai.

Nhóm các thủ tục về Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

25. Thủ tục Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163530-TT

26. Thủ tục Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. B-BTM- 163606-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Bản gốc Giấy chứng nhận trong trường hợp đã có Giấy chứng nhận".

27. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tổ chức là pháp nhân mới được hình thành thông qua việc chia tách hoặc sáp nhập được nhận quyền sử dụng đất từ các tổ chức là pháp nhân bị chia tách hoặc sáp nhập. B-BTM-163576-TT

a) Bổ sung quy định về trình tự thực hiện đối với trường hợp: tài sản gắn liền với đất bị chia tách khi bên nhận quyền có nhu cầu xác nhận tài sản gắn liền với đất.

b) Xây dựng và ban hành "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

c) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau:

"Giấy chứng nhận đã cấp hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (theo quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai), quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

(theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP) của bên chia tách hoặc sáp nhập".

d) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết đối với trường hợp: bên chia tách, sáp nhập chưa có một trong các loại Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Nhóm các thủ tục về Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép:

28. Thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163531-TT

29. Thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163555-TT

a) Bổ sung quy định về trình tự thực hiện đối với trường hợp: cá nhân, tổ chức nộp một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

b) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Đối tượng thực hiện nộp bản gốc Giấy chứng nhận";

c) Thay thế "Mẫu Tờ khai đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 12/ĐK)" bằng "Mẫu Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 03/ĐK-GCN)".

Nhóm các thủ tục về Đăng ký Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép:

30. Thủ tục Đăng ký Chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép cho đối tượng là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163532-TT

31. Thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163589-TT

a) Bổ sung quy định về trình tự thực hiện đối với trường hợp: cá nhân, tổ chức nộp một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

b) Thay thế "Mẫu Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 11/ĐK)" bằng "Mẫu Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 03/ĐK-GCN)".

Nhóm các thủ tục về Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất:

32. Thủ tục Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất cho đối tượng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư. B-BTM-163533-TT

33. Thủ tục Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163553-TT

Bổ sung các quy định về thủ tục hành chính (trình tự, thời hạn thực hiện…) đối với trường hợp: cá nhân, tổ chức đề nghị chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

34. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác cho hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm người có quyền sử dụng đất chung nhận quyền sử dụng đất do chia tách quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật. B-BTM-163511-TT

a) Bổ sung quy định về trình tự thực hiện đối với trường hợp: tài sản gắn liền với đất bị chia tách khi bên nhận quyền có nhu cầu xác nhận tài sản gắn liền với đất;

b) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết đối với trường hợp: bên chia tách, sáp nhập chưa có một trong các loại Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

35. Thủ tục Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163608-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau:

"Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn một trong ba hình thức nộp Giấy chứng nhận đã xác nhận đăng ký thế chấp, góp vốn, bao gồm:

- Bản sao có chứng thực (khi nhận Giấy chứng nhận mang bản gốc để nộp).

- Bản sao chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu (khi nhận Giấy chứng nhận mới mang bản gốc để nộp).

- Bản gốc.".

36. Thủ tục Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163587-TT

Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Bản gốc Giấy chứng nhận trong trường hợp đã có Giấy chứng nhận".

37. Thủ tục Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất. B-BTM-163596-TT

Bỏ yêu cầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã trong đơn đề nghị giao đất.

38. Thủ tục Cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163528-TT

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau:

"Đối với trường hợp thuê đất để nuôi trồng thủy sản phải có phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản được cơ quan quản lý thủy sản cấp huyện thẩm định và phải có bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường";

b) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau: không quá năm mươi (50) ngày làm việc (kể cả thời gian trích đo địa chính thửa đất nhưng không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính). Trong đó, quy định cụ thể thời gian thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị.

39. Thủ tục Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa các hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163893-TT

a) Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: "Hộ gia đình, cá nhân nộp bản gốc Giấy chứng nhận";

b) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục đối với trường hợp: hộ gia đình, cá nhân nộp giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai.

Nhóm các thủ tục về Gia hạn sử dụng đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế:

40. Thủ tục Gia hạn sử dụng đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163598-TT

41. Thủ tục Gia hạn sử dụng đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163599-TT

Thay thế "Mẫu Đơn xin gia hạn sử dụng đất (Mẫu số 13/ĐK)" bằng "Mẫu Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 03/ĐK-GCN)".

Nhóm các thủ tục về giao lại đất, thuê đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế:

42. Thủ tục Giao lại đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163601-TT

43. Thủ tục Giao lại đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư. B-BTM-163441-TT

44. Thủ tục Thuê đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân. B-BTM-163447-TT

45. Thủ tục Thuê đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài. B-BTM-163448-TT

Bổ sung quy định về trình tự thực hiện trong trường hợp: nếu không được ủy quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận.

II. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Nhóm Thủ tục:

1. Thủ tục Hồ sơ báo cáo công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên khoáng sản rắn. B-BTM-002620-TT (cấp Bộ)

2. Thủ tục Hồ sơ báo cáo công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên khoáng sản rắn. B-BTM-003721-TT (cấp tỉnh)

3. Thủ tục Hồ sơ thẩm định báo cáo trình công nhận chỉ tiêu lượng. B-BTM-002621-TT (cấp Bộ)

4. Thủ tục Hồ sơ thẩm định báo cáo trình công nhận chỉ tiêu lượng. B-BTM-003723-TT (cấp tỉnh)

5. Thủ tục Giao nộp báo cáo địa chất. B-BTM-003444-TT (cấp Bộ)

6. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. B-BTM-003317-TT (cấp tỉnh)

7. Thủ tục Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác tận thu khoáng sản. B-BTM-003349-TT (cấp tỉnh)

Bãi bỏ 7 thủ tục hành chính này.

Nhóm Thủ tục:

8. Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản. B-BTM-010941-TT (cấp Bộ)

9. Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản. B-BTM-003104-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ), thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản";

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

đ) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

- Mẫu đơn:

+ Bỏ cụm từ "tên tổ chức, cá nhân; số..." tại góc trái phía trên của đơn;

+ Thay "Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản" bằng "Đơn gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản";

+ Bỏ cụm từ "khảo sát";

+ Bỏ mục "Dự toán chi phí";

+ Thay cụm từ "từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..." bằng cụm từ "kể từ ngày giấy phép có hiệu lực ";

+ Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

- Mẫu bản đồ:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về mẫu bản đồ khu vực xin cấp phép hoạt động khoáng sản như sau:

Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích ≥ 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:50.000; múi chiếu 6°. Khu

vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích < 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000; múi chiếu 3°;

+ Bỏ phần phụ trương ở góc phải của bản đồ, bản đồ được coi là phụ lục kèm theo Giấy phép và được đóng dấu treo của cơ quan ban hành Giấy phép;

+ Sửa đổi cụm từ "Người thành lập" thành cụm từ "Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 múi chiếu 6^0 (1:10.000 múi chiếu 3^0) số hiệu...".

- Mẫu Giấy phép thăm dò khoáng sản: Bỏ phần "đăng ký nhà nước".

Nhóm Thủ tục:

10. Thủ tục Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. B-BTM-002902-TT (cấp Bộ)

11. Thủ tục Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. B-BTM-003118-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản";

+ Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ "Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài" như sau:

"Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chụp của cơ quan, tổ chức đăng ký cấp phép văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc giấy phép đầu tư (nếu có) đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài".

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

đ) Về mẫu đơn

- Bỏ cụm từ "tên tổ chức, cá nhân; số..." tại góc trái phía trên của đơn;

- Thay "Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản" bằng "Đơn chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản";

- Bỏ cụm từ "khảo sát";

- Bỏ mục "Dự toán chi phí";

- Thay cụm từ "từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..." bằng cụm từ "kể từ ngày giấy phép có hiệu lực";

- Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

Nhóm Thủ tục:

12. Thủ tục Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản B-BTM-002309-TT (cấp Bộ)

13. Thủ tục Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản. B-BTM-003168-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung cách thức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản đã thực hiện tại thời điểm xin trả lại giấy phép khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản";

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

đ) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu đơn:

+ Bỏ cụm từ "tên tổ chức, cá nhân; số..." tại góc trái phía trên của đơn;

+ Thay "Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản" bằng "Đơn trả lại giấy phép thăm dò hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản";

+ Bỏ cụm từ "khảo sát";

+ Bỏ mục "Dự toán chi phí";

+ Thay cụm từ "từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..." bằng cụm từ "kể từ ngày giấy phép có hiệu lực";

+ Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

- Mẫu bản đồ:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về mẫu bản đồ khu vực xin cấp phép hoạt động khoáng sản như sau:

Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích ≥ 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:50.000; múi chiếu 6°. Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích < 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000; múi chiếu 3°;

+ Bỏ phần phụ trương ở góc phải của bản đồ, bản đồ được coi là phụ lục kèm theo Giấy phép và được đóng dấu treo của cơ quan ban hành Giấy phép;

+ Sửa đổi cụm từ "Người thành lập" thành cụm từ "Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 múi chiếu 6^0 (1:10.000 múi chiếu 3^0) số hiệu...".

Nhóm Thủ tục:

14. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. B-BTM-001897-TT (cấp Bộ)

15. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. B-BTM-003176-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản";

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

đ) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu đơn:

+ Bỏ cụm từ (tên tổ chức, cá nhân; số) tại góc trái phía trên của đơn;

+ Thay "Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác" thành "Đơn gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản";

+ Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

- Mẫu bản đồ:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về mẫu bản đồ khu vực xin cấp phép hoạt động khoáng sản như sau:

Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích ≥ 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:50.000; múi chiếu 6°. Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích < 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000; múi chiếu 3°;

+ Bỏ phần phụ trương ở góc phải của bản đồ, bản đồ được coi là phụ lục kèm theo Giấy phép và được đóng dấu treo của cơ quan ban hành Giấy phép;

+ Sửa đổi cụm từ "Người thành lập" thành cụm từ "Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 múi chiếu 6^0 (1:10.000 múi chiếu 3^0) số hiệu...".

- Mẫu Giấy phép khai thác khoáng sản: Bỏ phần "đăng ký nhà nước".

Nhóm Thủ tục:

16. Thủ tục Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. B-BTM-001913-TT (cấp Bộ)

17. Thủ tục Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. B-BTM-003178-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

+ Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đã thực hiện tính đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản";

+ Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ "Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài" như sau:

"Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chụp của cơ quan, tổ chức đăng ký cấp phép văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao chụp giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài".

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan.

đ) Về mẫu đơn:

- Bỏ cụm từ (tên tổ chức, cá nhân; số) tại góc trái phía trên của đơn.

- Thay "Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản" thành "Đơn chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản".

- Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

Nhóm Thủ tục:

18. Thủ tục Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản. B-BTM-001979-TT (cấp Bộ)

19. Thủ tục Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản. B-BTM-003182-TT (cấp tỉnh)

a) Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ)";

b) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Xây dựng và ban hành mẫu "Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đã thực hiện tính đến thời điểm xin trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản";

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết: Quy định về thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

đ) Về mẫu đơn:

- Mẫu đơn:

+ Bỏ cụm từ (tên tổ chức, cá nhân; số) tại góc trái phía trên của đơn;

+ Thay "Đơn xin trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản)" thành "Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản)";

+ Bỏ cụm từ "khảo sát";

+ Bỏ mục "Dự toán chi phí";

+ Thay cụm từ "từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..." bằng cụm từ "kể từ ngày giấy phép có hiệu lực ";

+ Bỏ cụm từ "Tài liệu kèm theo" ở phần cuối bên trái của mẫu đơn.

- Mẫu bản đồ:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về mẫu bản đồ khu vực xin cấp phép hoạt động khoáng sản như sau:

Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích ≥ 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:50.000; múi chiếu 6°. Khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản có diện tích < 10km^2 được thể hiện trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000; múi chiếu 3°;

+ Bỏ phần phụ trương ở góc phải của bản đồ, bản đồ được coi là phụ lục kèm theo Giấy phép và được đóng dấu treo của cơ quan ban hành Giấy phép;

+ Sửa đổi cụm từ "Người thành lập" thành cụm từ "Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 múi chiếu 6^0 (1:10.000 múi chiếu 3^0) số hiệu...".

20. Thủ tục Hồ sơ thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản. B-BTM-002614-TT (cấp Bộ)

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định hồ sơ nộp trực tiếp tại Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản.

- Về hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Bổ sung nội dung lập báo cáo chỉ tiêu tính trữ lượng trong quá trình lập báo cáo;

+ Số lượng hồ sơ: Giảm số lượng hồ sơ phải nộp từ 03 bộ bản giấy và 01 bộ CD còn 01 bộ bản giấy và 01 bộ CD.

Nhóm Thủ tục:

21. Thủ tục Đóng cửa mỏ. B-BTM-102015-TT (cấp Bộ)

22. Thủ tục Đóng cửa mỏ. B-BTM-003257-TT (cấp tỉnh)

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định "hồ sơ nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản hoặc Chi cục Khoáng sản miền Trung hoặc Chi cục Khoáng sản miền Nam (đối với TTHC cấp Bộ) thời gian giải quyết hồ sơ tính từ ngày Tổng cục, Chi cục chấp nhận tiếp nhận hồ sơ (viết Phiếu nhận hồ sơ).

- Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là một (01) bộ.

- Xây dựng và ban hành mẫu Tờ trình đóng cửa mỏ.

23. Thủ tục Xác nhận tính hợp pháp của tài liệu, mẫu vật địa chất và khoáng sản đưa ra nước ngoài. B-BTM-002884-TT (cấp Bộ)

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ "Bản gốc hoặc bản sao có công chứng các giấy phép hoạt động khoáng sản..." như sau: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chụp của cơ quan, tổ chức đăng ký cấp phép các giấy phép hoạt động khoáng sản...

24. Thủ tục Tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản. B-BTM-003506-TT (cấp Bộ)

- Về cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản chỉ cần làm việc với Trung tâm Thông tin, lưu trữ địa chất để được hướng dẫn, giải quyết.

- Phân cấp giải quyết từ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản cho Trung tâm Thông tin, lưu trữ địa chất thực hiện thủ tục này.

III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Nhóm thủ tục:

1. Thủ tục Điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. B-BTM-097383-TT (cấp tỉnh)

2. Thủ tục Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung. B-BTM-098434-TT (cấp huyện)

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính này.

3. Thủ tục Cấp mới Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại. B-BTM-003651-TT (cấp Bộ)

a) Về hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có "các giấy phép liên quan khác";

+ Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ về nhân viên tham gia quản lý chất thải nguy hại như sau: Cá nhân, tổ chức đăng ký hành nghề xử lý chất thải nguy hại cung cấp danh sách, hồ sơ, bản sao chụp văn bằng chứng chỉ liên quan của ít nhất 02 cán bộ, công nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, môi trường hoặc tương đương tham gia quản lý chất thải nguy hại.

- Sửa đổi quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp giảm từ 03 bộ xuống còn 02 bộ.

b) Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn giải quyết như sau:

- Thời hạn cơ quan nhà nước xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc;

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm, cơ quan cấp phép xác nhận kết quả vận hành thử nghiệm;

- Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc cơ quan cấp phép tiến hành kiểm tra, khảo sát cơ sở và khu vực phụ cận của tổ chức cá nhân đăng ký hành nghề;

- Trong thời hạn tối đa 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải cấp giấy xử lý chất thải nguy hại. Trường hợp không cấp phép phải nêu rõ lý do.

c) Về mẫu đơn: Sửa đổi mục 5 của Mẫu Đơn đăng ký hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo hướng chỉ liệt kê thông tin về 02 nhân viên kỹ thuật được quy định trong yêu cầu, điều kiện tại mục II.2.8 quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Về điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

- Cụ thể hóa các điều kiện quy định tại điều 74 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thành điều kiện hành nghề xử lý chất thải nguy hại;

- Sửa đổi điều kiện về trình độ của các cán bộ kỹ thuật như sau: "Có ít nhất 02 cán bộ, công nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, môi trường hoặc tương đương".

đ) Sửa đổi 6 bước hỗ trợ sau:

+ Thành lập Hội đồng tư vấn cấp phép;

+ Khảo sát cơ sở và khu vực phụ cận;

+ Tổ chức các cuộc họp đánh giá theo chuyên đề;

+ Tổ chức họp với tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề;

+ Lấy ý kiến phản biện của các chuyên gia ngoài Hội đồng tư vấn;

+ Tổ chức họp Hội đồng tư vấn để thống nhất việc cấp phép

thành 02 bước hỗ trợ:

+ Khảo sát cơ sở, khu vực phụ cận đồng thời tổ chức họp với cá nhân đăng ký hành nghề;

+ Họp Hội đồng tư vấn tại cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề hoặc lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia.

- Bổ sung quy định đối với chủ vận chuyển chất thải nguy hại đã được cấp giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại phải xây dựng lộ trình bổ sung năng lực xử lý chất thải nguy hại trước khi giấy phép vận chuyển hết hạn. Việc bổ sung năng lực xử lý chất thải nguy hại cần thực hiện thông qua việc sát nhập với một chủ xử lý hoặc bổ sung phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại để làm thủ tục đăng ký vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Bổ sung quy định đối với các dự án có nội dung xử lý chất thải nguy hại sẽ tiến hành việc xác nhận đánh giá tác động môi trường trong quá trình cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (kết hợp xác nhận đánh giá tác động môi trường vào cấp phép).

4. Thủ tục Cấp mới Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại. B-BTM-003229-TT (cấp Bộ)

- Thay thế thủ tục "Cấp mới giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại" bằng thủ tục "Cấp mới giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại".

- Bổ sung quy định về thủ tục Cấp giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo hướng đơn giản hóa trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ, loại bỏ những yêu cầu, điều kiện không cần thiết hay không hợp lý.

- Bổ sung quy định đối với chủ vận chuyển chất thải nguy hại đã được cấp giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại phải xây dựng lộ trình bổ sung năng lực xử lý chất thải nguy hại trước khi giấy phép vận chuyển hết hạn. Việc bổ sung năng lực xử lý chất thải nguy hại cần thực hiện thông qua việc sát nhập với một chủ xử lý hoặc bổ sung phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại để làm thủ tục đăng ký vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

5. Thủ tục Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại. B-BTM-003656-TT (cấp Bộ)

a) Thay thế thủ tục hành chính này bằng 2 thủ tục:

- Gia hạn Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại;

- Điều chỉnh Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại.

b) Sửa đổi trình tự thực hiện thủ tục theo hướng rút ngắn. Quy định cụ thể thời gian giải quyết đối với từng trường hợp điều chỉnh giấy phép xử lý;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung quy định về nhân viên tham gia quản lý chất thải nguy hại như sau: Cá nhân, tổ chức đăng ký hành nghề xử lý chất thải nguy hại cung cấp danh sách, hồ sơ, bản sao chụp văn bằng chứng chỉ liên quan của ít nhất 02 cán bộ, công nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, môi trường hoặc tương đương tham gia quản lý chất thải nguy hại;

- Số lượng hồ sơ: Sửa đổi quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp từ 03 bộ xuống còn 02 bộ.

d) Về mẫu đơn: Sửa đổi mục 5 của Mẫu Đơn đăng ký hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo hướng chỉ liệt kê thông tin về 02 nhân viên kỹ thuật được quy định trong yêu cầu, điều kiện tại mục II.2.8 quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Sửa đổi quy định về gia hạn hiệu lực của Giấy phép như sau:

- Tối thiểu 03 tháng trước khi giấy phép hết hạn, chủ xử lý phải thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn giấy phép;

- Thời hạn hiệu lực của giấy phép được gia hạn tương đương với thời hạn giấy phép được cấp mới (03 năm).

6. Thủ tục Gia hạn/điều chỉnh Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại. B-BTM-002952-TT (cấp Bộ)

a) Thay thế thủ tục "Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại" bằng 2 thủ tục:

- Gia hạn giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại;

- Điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

b) Bổ sung quy định về thủ tục Gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo hướng đơn giản hóa trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ, loại bỏ những yêu cầu, điều kiện không cần thiết hoặc không hợp lý.

7. Thủ tục Thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược. B-BTM-002992-TT (cấp Bộ)

- Sửa lại tên thủ tục thành: "Thẩm định báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược".

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định thời hạn giải quyết theo từng bước của quy trình thực hiện thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn giải quyết tối đa không quá 45 ngày làm việc.

- Rà soát và phân loại các loại hình chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để xây dựng các hướng dẫn cụ thể trong việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược chi tiết hoặc đơn giản cho từng loại hình.

8. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường. B-BTM-003074-TT (cấp Bộ)

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung quy định trong thành phần hồ sơ có 01 (một) bản báo cáo đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương của dự án (do chủ dự án đã lập trong quá trình xin cấp phép đầu tư) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa.

- Về đối tượng thực hiện: Sửa đổi danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo hướng giảm bớt loại dự án phải lập báo cáo ĐTM (Ví dụ: Dự án xây dựng trại tạm giam, Dự án sản xuất cáp viễn thông...).

9. Thủ tục Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. B-BTM-003089-TT (cấp Bộ)

- Bổ sung quy định thời hạn giải quyết theo từng bước của quy trình thực hiện thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn giải quyết tối đa không quá 25 ngày làm việc.

- Về đối tượng thực hiện:

+ Sửa đổi quy định về đối tượng thực hiện theo hướng thu hẹp phạm vi đối tượng thực hiện như với một số dự án ít gây ảnh hưởng đến môi trường sẽ không phải thực hiện thủ tục Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. (Ví dụ: Dự án quang điện từ 100 ha trở lên…).

+ Bổ sung quy định đối với các tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

10. Thủ tục Cấp mới Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. B-BTM-097444-TT (cấp tỉnh)

a) Về đối tượng thực hiện:

- Bổ sung quy định về các chủ nguồn thải trong các trường hợp sau không phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

+ Chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 1 năm;

+ Tổng số lượng chất thải nguy hại phát sinh không vượt quá một mức quy định cho phép;

+ Chủ xử lý, tiêu hủy không phát sinh bất kỳ một loại chất thải nguy hại nào ra khỏi phạm vi cơ sở (xử lý, tiêu hủy được tất cả các chất thải nguy hại, kể cả loại phát sinh từ quá trình hoạt động);

+ Chủ nguồn thải có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại ngoài biển như các công trình thăm dò, khai thác dầu khí.

- Các chủ nguồn thải nêu trên không phải làm Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại nhưng vẫn phải báo cáo định kỳ hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường về số lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc đã xử lý, đơn vị vận chuyển và tiếp nhận chất thải nguy hại để xử lý.

b) Về mẫu đơn: Bổ sung quy định để cụ thể, chi tiết hơn về việc khai báo dữ liệu chất thải phát sinh và tồn lưu.

c) Sửa đổi quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp giảm từ 03 bộ xuống còn 02 bộ.

11. Thủ tục Gia hạn/điều chỉnh Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại. B-BTM-061944-TT (cấp tỉnh)

a) Thay thế thủ tục "Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại" bằng 2 thủ tục:

- Gia hạn giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại;

- Điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

b) Bổ sung quy định về thủ tục Gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo hướng đơn giản hóa trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ, loại bỏ những yêu cầu, điều kiện không cần thiết hoặc không hợp lý.

12. Thủ tục Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại. B-BTM-062149-TT (cấp tỉnh)

a) Thay thế thủ tục hành chính này bằng 2 thủ tục:

- Gia hạn Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại;

- Điều chỉnh Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại.

b) Về trình tự thực hiện: Sửa đổi theo hướng rút ngắn. Quy định cụ thể thời gian giải quyết đối với từng trường hợp điều chỉnh giấy phép xử lý;

c) Về hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung quy định về nhân viên tham gia quản lý chất thải nguy hại như sau: Cá nhân, tổ chức đăng ký hành nghề xử lý chất thải nguy hại cung cấp danh sách, hồ sơ, bản sao chụp văn bằng chứng chỉ liên quan của ít nhất 02 cán bộ, công nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành hóa học, môi trường hoặc tương đương tham gia quản lý chất thải nguy hại;

- Số lượng hồ sơ: Sửa đổi quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp giảm từ 03 bộ xuống còn 02 bộ.

d) Về mẫu đơn: Sửa đổi mục 5 của Mẫu Đơn đăng ký hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo hướng chỉ liệt kê thông tin về 02 nhân viên kỹ thuật được quy định trong yêu cầu, điều kiện tại mục II.2.8 quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Sửa đổi quy định về gia hạn hiệu lực của Giấy phép như sau:

- Tối thiểu 03 tháng trước khi giấy phép hết hạn, chủ xử lý phải thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn giấy phép;

- Thời hạn hiệu lực của giấy phép được gia hạn tương đương với thời hạn giấy phép được cấp mới (03 năm).

13. Thủ tục Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. BBTM-099480-TT (cấp tỉnh)

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định thời hạn giải quyết theo từng bước của quy trình thực hiện thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn giải quyết tối đa không quá 25 ngày làm việc;

- Về đối tượng thực hiện:

+ Sửa đổi quy định về đối tượng thực hiện theo hướng đối với một số dự án ít gây ảnh hưởng đến môi trường sẽ không phải thực hiện thủ tục Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. (Ví dụ: Dự án quang điện từ 100 ha trở lên...);

+ Bổ sung quy định đối với các tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

14. Thủ tục Thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược (Cấp tỉnh)

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định thời hạn giải quyết theo từng bước của quy trình thực hiện thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn giải quyết tối đa không quá 30 ngày làm việc.

- Rà soát và phân loại các loại hình chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để xây dựng các hướng dẫn cụ thể trong việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược chi tiết hoặc đơn giản cho từng loại hình.

IV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m^3/ngày đêm trở lên. B-BTM-002874-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Đề án thăm dò nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép);

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Kết quả phân tích chất lượng nước tại thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh nội dung;

- Bỏ nội dung "3. Kiến nghị" trong "Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép".

c) Về thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc;

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Về mẫu đơn: Sửa đổi, bổ sung theo hướng làm rõ lý do, nội dung, khối lượng, hạng mục điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp;

e) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều chỉnh nội dung giấy phép trong trường hợp chủ giấy phép điều chỉnh tên (do đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp...).

2. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên. B-BTM-002871-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ nội dung "5. Diễn biến môi trường" trong "Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Đề án khai thác nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép).

c) Về thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc;

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước

cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều chỉnh nội dung giấy phép trong trường hợp chủ giấy phép điều chỉnh tên (do đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp…). Bổ sung quy định về tiêu chí làm căn cứ quyết định thời hạn của giấy phép. Trường hợp thời hạn giấy phép ít hơn thời hạn tổ chức, cá nhân đề nghị, cơ quan cấp phép phải giải thích lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

3. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt từ 2m^3/giây trở lên (đối với sản xuất nông nghiệp), từ 2.000kW trở lên (đối với phát điện), từ 50.000m^3/ ngày đêm trở lên (đối với các mục đích khác). B-BTM-002835-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Thay "Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác, sử dụng nước" bằng "Sơ đồ vị trí công trình khai thác sử dụng nước". Các nội dung cần thể hiện trên sơ đồ gồm: hệ thống sông, suối nơi khai thác nước; vị trí nhà máy; điểm đặt công trình khai thác nước; vị trí các công trình khai thác nước mặt lân cận trong khu vực…

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác" thành "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu, hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác trong trường hợp tổ chức, cá nhân có Quyết định đầu tư, phê duyệt dự án và trong Quyết định này có thông tin minh chứng về quyền sử dụng đất.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu, hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ Quyết định đầu tư, phê duyệt dự án".

- Bỏ quy định phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, đồng thời, bổ sung quy định phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về đất đai trong trường hợp văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước" đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép cho mục đích sản xuất thủy điện.

- Bỏ nội dung "3. Tác động tới môi trường" trong mục IV của Đề án hoặc Báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt.

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép và chuyển giấy phép về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo lý do không cấp phép và chuyển hồ sơ về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Cơ quan tiếp nhận chỉ được phép ban hành văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu). Nội dung yêu cầu hoàn thiện trong văn bản phải rõ ràng, cụ thể.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Về mẫu đơn:

- Bổ sung mục tên công trình khai thác;

- Sửa đổi mục "thời gian khai thác sử dụng nước" thành "thời gian đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước";

- Bỏ lý do đề nghị cấp phép;

- Bỏ quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường đối với tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu. Bổ sung quy định có bản sao chụp

quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc bản sao chụp chứng minh nhân dân đối với cá nhân đề nghị cấp phép.

4. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt từ 2m^3/giây trở lên (đối với sản xuất nông nghiệp), từ 2.000kW trở lên (đối với phát điện), từ 50.000m^3/ngày đêm trở lên (đối với các mục đích khác). B-BTM-002876-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép" đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, thay đổi nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất thủy điện;

- Bỏ nội dung phần "Diễn biến môi trường trong khu vực khai thác, sử dụng" trong Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;

- Bỏ Phần I: "Tình hình nguồn nước" trong Đề án (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép);

- Bỏ Phần "Tác động môi trường" trong mục IV của Đề án (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép).

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và chuyển giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo lý do không cấp phép và chuyển hồ sơ về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Cơ quan tiếp nhận chỉ được phép ban hành văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu). Nội dung yêu cầu hoàn thiện trong văn bản phải rõ ràng, cụ thể.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều chỉnh nội dung giấy phép trong trường hợp chủ giấy phép điều chỉnh tên (như đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp…).

5. Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước từ 5.000 m^3/ngày đêm trở lên. B-BTM-002808-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có sơ đồ vị trí lấy mẫu nguồn nước và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn nước thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Thay "Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000" bằng "Sơ đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước". Các thông tin thể hiện trên sơ đồ gồm: vị trí công trình xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào nguồn nước

tiếp nhận, hệ thống thu gom, thải, hệ thống sông suối khu vực tiếp nhận nước thải và vị trí các điểm xả nước thải, các điểm khai thác, sử dụng nước lân cận vị trí xả nước thải vào nguồn nước;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải;

+ Bỏ các phần "Mô tả về đặc điểm tự nhiên, các nguồn thải lân cận, thống kê nguồn thải, mô tả sơ bộ từng nguồn thải, quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại vị trí xả thải" trong Chương II của Đề án, Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước;

+ Bỏ nội dung "Đánh giá các tác động tổng hợp" trong chương III của Đề án, Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả thải" như sau: "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác".

+ Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp thỏa thuận giữa chủ thể xin cấp phép với chủ thể có quyền sử dụng đất bằng quy định văn bản thỏa thuận được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Số lượng hồ sơ: Bỏ quy định tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đặt công trình đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục quản lý tài nguyên nước.

c) Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép phải xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo để yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Cơ quan cấp phép chỉ được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện nội dung của hồ sơ theo quy định tối đa là 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu), nội dung yêu cầu hoàn thiện phải cụ thể, rõ ràng và bằng văn bản.

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định, trình và cấp phép) hoặc tối đa 25 ngày đối với trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải cấp giấy phép và trả kết quả. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Về mẫu đơn

- Bỏ mục 4 trong mẫu đơn về: "Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đã sao gửi 01 bộ tới Sở Tài nguyên và Môi trường";

- Bỏ mục 2: Lý do đề nghị cấp phép xả nước thải;

- Bỏ phần liệt kê các giấy tờ nộp kèm theo đơn;

- Bỏ yêu cầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn vào đơn (đối với tổ chức cá nhân không có tư cách pháp nhân). Bổ sung quy định có bản sao chụp Chứng minh nhân dân (đối với cá nhân), Bản sao chụp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức).

e) Bổ sung quy định về tiêu chí để xác định thời hạn của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, trường hợp thời hạn giấy phép được cấp ít hơn thời hạn đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân thì Cơ quan cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

6. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước từ 5.000m^3/ngày đêm trở lên. B-BTM-002870-TT (cấp Bộ)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định "tổ chức, cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của Cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện";

b) Về hồ sơ

- Thành phần hồ sơ: Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép" như sau "Kết quả phân tích chất lượng nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép". Bổ sung quy định thời gian lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải không quá 03 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ: Bỏ quy định tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đặt công trình đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục quản lý tài nguyên nước.

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép phải xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo để yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Cơ quan cấp phép chỉ được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện nội dung của hồ sơ theo quy định tối đa là 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu), nội dung yêu cầu hoàn thiện phải cụ thể, rõ ràng và bằng văn bản;

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định, trình và cấp phép) hoặc 18 ngày (đối với trường hợp không phải thành lập hội đồng thẩm định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và trả kết quả. Trường hợp không cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ;

đ) Về mẫu đơn:

- Bỏ mục 4 trong mẫu đơn về: "Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải đã sao gửi 01 bộ tới Sở Tài nguyên và Môi trường";

- Bỏ phần liệt kê các giấy tờ nộp kèm theo đơn.

7. Thủ tục Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn. B-BTM-002840-TT

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật)" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật)".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Bổ sung nội dung cần thiết về nguồn nhân lực, máy móc, thiết bị vào mục "kê khai năng lực" trong Đơn đăng ký hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn;

d) Về mẫu đơn: Bỏ yêu cầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân đề nghị cấp phép. Thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao chụp chứng minh nhân dân của cá nhân đề nghị cấp phép.

8. Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn. B-BTM-002863-TT

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ (Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật):

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật";

- Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn.

9. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất dưới 3.000m^3/ngày đêm. B-BTM-003646-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Đề án thăm dò nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép);

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Kết quả phân tích chất lượng nước tại thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh nội dung;

- Bỏ nội dung "3. Kiến nghị" trong "Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép".

c) Về thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc;

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, thành phố;

đ) Về mẫu đơn: Sửa đổi, bổ sung theo hướng làm rõ lý do, nội dung, khối lượng, hạng mục điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp;

e) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều (do đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp…).

10. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất dưới 3.000m^3/ngày. B-BTM-003662-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ nội dung "5. Diễn biến môi trường" trong "Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Đề án khai thác nước dưới đất (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

c) Về thời hạn giải quyết: Sửa đổi thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc;

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh;

đ) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều chỉnh nội dung giấy phép trong trường hợp chủ giấy phép điều chỉnh tên (do đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp…);

Bổ sung quy định về tiêu chí làm căn cứ quyết định thời hạn của giấy phép. Trường hợp thời hạn giấy phép ít hơn thời hạn tổ chức, cá nhân đề nghị, cơ quan cấp phép phải giải thích lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

11. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m^3/giây (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2.000kW (đối với phát điện), dưới 50.000m^3/ ngày đêm (đối với mục đích khác). B-BTM-004231-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Thay "Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác, sử dụng nước" bằng "Sơ đồ vị trí công trình khai thác sử dụng nước". Các nội dung cần thể hiện trên sơ đồ gồm: hệ thống sông, suối nơi khai thác nước; vị trí nhà máy; điểm đặt công trình khai thác nước; vị trí các công trình khai thác nước mặt lân cận trong khu vực…

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả thải" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác trong trường hợp tổ chức, cá nhân có Quyết định đầu tư, phê duyệt dự án và trong Quyết định này có thông tin minh chứng về quyền sử dụng đất. Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ Quyết định đầu tư, phê duyệt dự án".

- Bỏ quy định phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, đồng thời, bổ sung quy định phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về đất đai trong văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước" đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép cho mục đích sản xuất thủy điện.

- Bỏ nội dung "3. Tác động tới môi trường" trong mục IV của Đề án hoặc Báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt.

- Bỏ quy định yêu cầu nộp các văn bản: văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật; văn bản giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình; văn bản phê duyệt quy trình vận hành của công trình và Bãi bỏ các phần nội dung liên quan tới các tài liệu này trong Báo cáo khai thác sử dụng nước mặt đối với các công trình khai thác từ trước năm 1975 và các công trình khai thác lưu lượng nhỏ hơn 200m^3/ngày đêm.

- Bổ sung các mẫu hướng dẫn lập đề án, báo cáo tương ứng với các quy mô lưu lượng khai thác khác nhau. Đối với các công trình khai thác quy mô nhỏ, cần xây dựng mẫu đề án, báo cáo đơn giản hơn.

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép và chuyển giấy phép về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo lý do không cấp phép và chuyển hồ sơ về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Cơ quan tiếp nhận chỉ được phép ban hành văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu). Nội dung yêu cầu hoàn thiện trong văn bản phải rõ ràng, cụ thể.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Về mẫu đơn:

- Bổ sung mục tên công trình khai thác;

- Sửa đổi mục "thời gian khai thác sử dụng nước" thành "thời gian đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước";

- Bỏ lý do đề nghị cấp phép;

- Bỏ quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu. Bổ sung quy định có bản sao

chụp quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc bản sao chụp chứng minh nhân dân đối với cá nhân đề nghị cấp phép.

12. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dưới 2m^3/giây (đối với sản xuất nông nghiệp), dưới 2.000kW (đối với phát điện), dưới 50.000m^3/ngày đêm (đối với mục đích khác). B-BTM-004501-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có "Giấy phép đã được cấp" thành "Bản sao chụp giấy phép đã được cấp";

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép" đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, thay đổi nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất thủy điện;

- Bỏ nội dung phần "Diễn biến môi trường trong khu vực khai thác, sử dụng" trong Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;

- Bỏ Phần I. "Tình hình nguồn nước" trong Đề án (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép);

- Bỏ Phần "Tác động môi trường" trong mục IV của Đề án (trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép);

- Bổ sung các mẫu hướng dẫn lập đề án, báo cáo tương ứng với các quy mô lưu lượng khai thác khác nhau. Đối với các công trình khai thác quy mô nhỏ, cần xây dựng mẫu đề án, báo cáo đơn giản hơn.

c) Sửa đổi, bổ sung quy định thời hạn giải quyết như sau: Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và chuyển giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo lý

do không cấp phép và chuyển hồ sơ về Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Bổ sung các quy định về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để điều chỉnh nội dung giấy phép trong trường hợp chủ giấy phép điều chỉnh tên (do đổi tên hoặc chuyển đổi, mua, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp…).

13. Thủ tục Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000 m^3/ngày đêm. B-BTM-004518-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có sơ đồ vị trí lấy mẫu nguồn nước và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng các nguồn nước thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Thay "Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000" bằng "Sơ đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước". Các thông tin thể hiện trên sơ đồ gồm: vị trí công trình xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận, hệ thống thu gom, thải, hệ thống sông suối khu vực tiếp nhận nước thải và vị trí các điểm xả nước thải, các điểm khai thác, sử dụng nước lân cận vị trí xả nước thải vào nguồn nước;

+ Bỏ quy định thành phần hồ sơ có giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải;

+ Bỏ các phần "Mô tả về đặc điểm tự nhiên, các nguồn thải lân cận, thống kê nguồn thải, mô tả sơ bộ từng nguồn thải, quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại vị trí xả thải" trong Chương II của Đề án, Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước;

+ Bỏ nội dung "Đánh giá các tác động tổng hợp" trong chương III của Đề án/ Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình xả thải" như sau: "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất tại nơi đặt công trình khai thác".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp thỏa thuận giữa chủ thể xin cấp phép với chủ thể có quyền sử dụng đất bằng quy định văn bản thỏa thuận được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Số lượng hồ sơ: Bỏ quy định tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đặt công trình đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục quản lý tài nguyên nước.

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép phải xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo để yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Cơ quan cấp phép chỉ được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện nội dung của hồ sơ theo quy định tối đa là 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu), nội dung yêu cầu hoàn thiện phải cụ thể, rõ ràng và bằng văn bản;

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định, trình và cấp phép) hoặc tối đa 25 ngày đối với trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm

định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải cấp giấy phép và trả kết quả. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo hướng: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Về mẫu đơn:

- Bỏ mục 4 trong mẫu đơn về: "Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đã sao gửi 01 bộ tới Sở tài nguyên và môi trường".

- Bỏ mục 2. Lý do đề nghị cấp phép xả nước thải.

- Bỏ phần liệt kê các giấy tờ nộp kèm theo đơn.

- Bỏ yêu cầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn vào đơn (đối với tổ chức cá nhân không có tư cách pháp nhân). Bổ sung quy định có bản sao chụp Chứng minh nhân dân (đối với cá nhân), Bản sao chụp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức).

e) Bổ sung quy định về tiêu chí để xác định thời hạn của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, trường hợp thời hạn giấy phép được cấp ít hơn thời hạn đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân thì Cơ quan cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

14. Thủ tục Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 5.000 m^3/ngày đêm. B-BTM-004508-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của Cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện";

b) Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ có: "kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép" như sau "Kết quả phân tích chất lượng nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép". Bổ sung quy định thời gian lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải không quá 03 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

c) Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết như sau:

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép phải xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo để yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Cơ quan cấp phép chỉ được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện nội dung của hồ sơ theo quy định tối đa là 01 lần (không tính số lần tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện nhưng không đạt yêu cầu), nội dung yêu cầu hoàn thiện phải cụ thể, rõ ràng và bằng văn bản;

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định, trình và cấp phép) hoặc 18 ngày (đối với trường hợp không phải thành lập hội đồng thẩm định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và trả kết quả. Trường hợp không cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với quy mô thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Về mẫu đơn:

- Bỏ mục 4 trong mẫu đơn về: "Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải đã sao gửi 01 bộ tới Sở Tài nguyên và Môi trường";

- Bỏ phần liệt kê các giấy tờ nộp kèm theo đơn.

15. Thủ tục Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. B-BTM-004226-TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh" như sau "Bản sao

có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật)" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật)".

Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ có Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Bổ sung nội dung cần thiết về nguồn nhân lực, máy móc, thiết bị vào mục "kê khai năng lực" trong Đơn đăng ký hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất.

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Về mẫu đơn: Bỏ yêu cầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân đề nghị cấp phép. Thay thế bằng yêu cầu nộp bản sao chụp chứng minh nhân dân của cá nhân đề nghị cấp phép;

đ) Sửa đổi quy định về trình độ hoặc kinh nghiệm của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo hướng giảm yêu cầu về trình độ hoặc kinh nghiệm (giảm số lượng công trình tham gia thiết kế, lập báo cáo, thi công).

16. Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. B-BTM-003643 –TT (cấp tỉnh)

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ (Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật):

- Sửa đổi, bổ sung quy định thành phần hồ sơ có "Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật" như sau "Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc Bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy tờ các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật";

- Bổ sung quy định công chức tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

17. Thủ tục Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết cấp lại giấy phép của có thẩm quyền cấp phép là một (01) ngày làm việc;

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Cục Quản lý tài nguyên nước cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn.

18. Thủ tục Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện;

b) Bổ sung quy định thời gian giải quyết cấp lại giấy phép của có thẩm quyền cấp phép là một (01) ngày làm việc.

c) Về cơ quan thực hiện TTHC: Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp phép theo hướng: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

V. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nhóm thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động:

1. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ. B-BTM-001459-TT (cấp Bộ)

2. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001331-TT (cấp Bộ)

3. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001427-TT (cấp tỉnh)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

4. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001090-TT (cấp Bộ)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất";

- Sửa đổi, bổ sung quy định về bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật được công chứng như sau: cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn một trong hai hình thức: bản sao chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực.

c) Sửa đổi quy định số lượng hồ sơ từ ba (03) bộ xuống còn còn một (01) bộ hồ sơ;

d) Giảm thời hạn giải quyết từ hai ba (23) ngày làm việc xuống còn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định;

đ) Về mẫu đơn:

- Sửa đổi Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

- Đơn được xác nhận và lập thành 03 bản, 01 bản lưu cơ quan quản lý nhà nước, 01 gửi cá nhân, tổ chức và 01 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt công trình;

- Đơn có quy định phần xác nhận của cơ quan nhà nước.

e) Bãi bỏ yêu cầu có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất có công chứng";

g) Không quy định thời hạn có hiệu lực của giấy phép.

5. Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001305-TT (cấp Bộ)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Đăng ký lại hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Giảm thời hạn giải quyết từ tám (08) ngày làm việc xuống còn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định;

c) Sửa tên Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký lại hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng".

6. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ. B-BTM-001430-TT (cấp Bộ)

a) Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ;

b) Giảm thời hạn giải quyết từ hai mươi (20) ngày xuống còn tối đa mười lăm (15) ngày;

c) Không quy định thời hạn có hiệu lực của giấy phép.

7. Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ. B-BTM-001434-TT (cấp Bộ)

a) Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ;

b) Giảm thời hạn giải quyết từ năm (05) ngày xuống còn ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định.

8. Thủ tục Bổ sung giấy phép hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ. B-BTM-001435-TT (cấp Bộ)

a) Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ;

b) Giảm thời hạn giải quyết từ hai mươi (20) ngày làm việc xuống còn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định;

c) Không quy định thời hạn có hiệu lực của giấy phép.

9. Thủ tục Cung cấp thông tin, tư liệu khí tượng thủy văn. B-BTM-003081-TT (cấp Bộ)

a) Bổ sung hợp đồng cung cấp tư liệu khí tượng thủy văn trong thành phần hồ sơ;

b) Sửa đổi, bổ sung Mục 5, mẫu đơn (Phiếu yêu cầu phục vụ tư liệu) như sau: "5. Nội dung yêu cầu: thực hiện theo Hợp đồng số...";

c) Bổ sung yêu cầu cung cấp tư liệu quy định trong hợp đồng.

10. Thủ tục Xác nhận chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn. B-BTM-001782-TT (cấp Bộ)

Bổ sung các mẫu sau:

- Đơn đề nghị kiểm tra chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn.

- Đơn đề nghị yêu cầu xác nhận chất lượng phương tiện đo.

- Biên bản hoặc sổ ghi bàn giao thiết bị (02 bản).

- Xác nhận chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn (áp dụng riêng cho cá nhân, tổ chức hoạt động khí tượng thủy văn chuyên dùng).

11. Thủ tục Cấp thư xác nhận và thư phê duyệt dự án cơ chế phát triển sạch. B-BTM-001542-TT (cấp Bộ)

Tách thủ tục này thành 02 thủ tục (Xác nhận tài liệu ý tưởng dự án theo cơ chế phát triển sạch và Phê duyệt văn kiện thiết kế dự án theo cơ chế phát triển sạch) và đơn giản hóa như sau:

a) Thủ tục Xác nhận tài liệu ý tưởng dự án theo cơ chế phát triển sạch

- Sửa đổi, bổ sung trình tự, thời hạn thực hiện như sau:

+ Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu;

+ Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không theo quy định, Cục thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần, nội dung văn bản phải rõ ràng, cụ thể;

+ Trong thời hạn tối đa tám (08) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu chủ trì, phối hợp với các bên có liên quan thẩm định hồ sơ dự án và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, cấp Thư xác nhận. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, điều chỉnh phải có văn bản trả lời và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng;

+ Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc cấp thư xác nhận. Trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn tối đa một (01) ngày làm việc, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu trả kết quả cho tổ chức qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ có Văn bản của các bên xây dựng dự án CDM đề nghị xem xét và cấp Thư xác nhận PIN.

- Sửa đổi quy định về số bộ hồ sơ như sau: Tổ chức nộp một (01) bộ Tiếng Việt cho Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (thay vì 18 bộ Tiếng Việt và 03 bộ Tiếng Anh như quy định hiện hành).

- Sửa đổi mẫu Tài liệu ý tưởng theo hướng Cơ quan nhà nước chỉ cần yêu cầu cung cấp thông tin để làm cơ sở thẩm định, chứng minh về tính bền vững của dự án (ở mức độ ý tưởng) và xác nhận ý tưởng của dự án theo cơ chế phát triển sạch.

b) Thủ tục Phê duyệt văn kiện thiết kế dự án theo cơ chế phát triển sạch

- Sửa đổi, bổ sung trình tự, thời hạn thực hiện như sau:

+ Tổ chức có nhu cầu cấp Thư phê duyệt nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu;

+ Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không theo quy định, Cục thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần, nội dung văn bản phải rõ ràng, cụ thể;

+ Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu gửi hồ sơ xin ý kiến tới các thành viên tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto để xin ý kiến. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định số lượng thành viên Ban Chỉ đạo cần gửi hồ sơ xin ý kiến đối với từng lĩnh vực cụ thể theo hướng rút gọn tối đa (Chỉ bao gồm các thành viên của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ; ngoài ra đối với các dự án chuyên ngành sẽ xin thêm ý kiến của Bộ có chức năng quản lý nhà nước về dự án. Ví dụ: dự án về năng lượng xin ý kiến Bộ Công thương, dự án về nông nghiệp, trồng rừng xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn…, không xin ý kiến thêm đối với các thành viên Ban Chỉ đạo khác);

+ Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc, các thành viên Ban Chỉ đạo gửi ý kiến theo mẫu (Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mẫu chung) về Cục. Trường hợp quá thời hạn trên Cục không nhận được ý kiến thì coi ý kiến của thành viên Ban Chỉ đạo là không có ý kiến và thông qua;

+ Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu tổng hợp ý kiến và có văn bản đề nghị tổ chức giải trình (nếu có);

+ Trong thời hạn tối đa chín (09) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc ý kiến giải trình của tổ chức, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu thẩm định hồ sơ dự án và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét và quyết định;

+ Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định việc cấp thư phê duyệt. Trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn tối đa một (01) ngày làm việc, Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu trả kết quả cho tổ chức qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu lựa chọn việc gửi hồ sơ xin ý kiến hoặc tổ chức họp và mời các thành viên có liên quan của Ban Chỉ đạo dự để có ý kiến. Lịch họp Ban Chỉ đạo được tổ chức ít nhất 01 tháng/lần và công khai lịch họp trên trang tin của Cục.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ có văn bản nhất trí đề nghị xem xét phê duyệt tài liệu dự án CDM của UBND cấp tỉnh; văn bản nhất trí của Bộ, cơ quan ngang Bộ có chức năng quản lý nhà nước;

+ Sửa đổi, bổ sung quy định để hướng dẫn cụ thể cách thức lập văn bản nhận xét của các bên liên quan trực tiếp chịu tác động từ các hoạt động dự án;

- Sửa đổi quy định về số bộ hồ sơ như sau: Hồ sơ nộp chỉ là bản Tiếng Việt, số lượng bộ hồ sơ để nộp cho Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu sẽ căn cứ vào số lượng thành viên Ban Chỉ đạo cần gửi hồ sơ xin ý kiến (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực) và cộng thêm bộ (01) bộ.

- Bổ sung quy định chủ đầu tư phải nộp 01 bộ hồ sơ Tiếng Anh cho Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu khi chủ đầu tư nộp hồ sơ bản Tiếng Anh cho Ban chấp hành quốc tế về CDM (EB).

12. Thủ tục Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001315-TT (cấp Bộ)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Điều chỉnh nội dung đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Bãi bỏ yêu cầu có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất" trong thành phần hồ sơ;

c) Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống còn 01 bộ;

d) Giảm thời hạn giải quyết từ mười ba (13) ngày làm việc xuống còn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Về mẫu đơn:

- Sửa đổi Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

- Đơn được xác nhận và lập thành 03 bản, 01 bản lưu cơ quan quản lý nhà nước, 01 gửi cá nhân, tổ chức và 01 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt công trình;

- Đơn có quy định phần xác nhận của cơ quan nhà nước.

13. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001381-TT (cấp tỉnh)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Bãi bỏ yêu cầu có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất" trong thành phần hồ sơ;

c) Giảm số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ hồ sơ;

d) Giảm thời hạn giải quyết từ hai mươi ba (23) ngày làm việc xuống còn tối đa bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định;

đ) Về mẫu đơn:

- Sửa đổi Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

- Đơn được xác nhận và lập thành 03 bản, 01 bản lưu cơ quan quản lý nhà nước, 01 gửi cá nhân, tổ chức và 01 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt công trình;

- Đơn có quy định phần xác nhận của cơ quan nhà nước.

e) Về yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ yêu cầu có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc hợp đồng thuê đất có công chứng";

- Sửa đổi, bổ sung quy định điều kiện về bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật được công chứng như sau: cá nhân/tổ chức cần lựa chọn một trong hai hình thức là bản sao chụp có mang bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực.

g) Quy định thời hạn hiệu lực từ mười (10) năm thành không có thời hạn cho thủ tục đăng ký đã kiến nghị.

14. Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001394-TT (cấp tỉnh)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Đăng ký lại hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Giảm thời hạn giải quyết từ tám (08) ngày làm việc xuống còn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Sửa tên Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký lại hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng".

15. Thủ tục Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. B-BTM-001419-TT (cấp tỉnh)

a) Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Điều chỉnh nội dung đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

b) Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất";

c) Sửa đổi quy định số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn còn 01 bộ hồ sơ;

d) Giảm thời hạn giải quyết từ mười ba (13) ngày làm việc xuống còn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định;

đ) Về mẫu đơn:

- Sửa đổi Mẫu đơn cho phù hợp với thủ tục "Đăng ký hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng";

- Đơn được xác nhận và lập thành 03 bản, 01 bản lưu cơ quan quản lý nhà nước, 01 gửi cá nhân, tổ chức và 01 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt công trình;

- Đơn có quy định phần xác nhận của cơ quan nhà nước.

16. Thủ tục Đăng ký hoạt động công trình khí tượng thủy văn cơ bản (Cấp tỉnh)

Bổ sung quy định về thủ tục hành chính, bao gồm trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; mẫu đơn; thời gian giải quyết thủ tục…

VI. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Nhóm Thủ tục:

1. Thủ tục Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002957-TT (cấp Bộ)

2. Thủ tục Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002958-TT (cấp tỉnh)

3. Thủ tục Bổ sung nội dung đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-003633-TT (cấp Bộ)

4. Thủ tục Bổ sung nội dung đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-003634-TT (cấp tỉnh)

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính này.

5. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-001400-TT (cấp Bộ)

a) Về hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ như sau: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng nhận của công chứng Nhà nước; Giấy phép đầu tư có chứng nhận của công chứng Nhà nước đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; thành cá nhân, tổ chức lựa chọn một trong ba phương án:

+ Bản sao chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài;

+ Bản sao chụp và kèm theo bản chính để đối chiếu sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài;

+ Bản sao có chứng thực của nơi cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ bản sao Quy chế hoặc Điều lệ hoạt động của tổ chức có chứng nhận của công chức Nhà nước trong thành phần hồ sơ.

- Sửa đổi số lượng hồ sơ giảm từ hai (02) bộ xuống còn một (01) bộ hồ sơ.

b) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời hạn xem xét sự đầy đủ theo quy định của hồ sơ và số lần hướng dẫn bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định. Cơ quan cấp phép chỉ được hướng dẫn và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, hợp lệ một (01) lần duy nhất;

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

- Bỏ nội dung kê khai về "Hạng của doanh nghiệp";

- Bỏ kê khai về vốn pháp định, vốn lưu động;

- Bỏ quy định nộp văn bằng tốt nghiệp chuyên môn đối với người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bổ sung quy định thành phần hồ sơ có văn bằng của người phụ trách kỹ thuật chính.

d) Chi tiết hóa nội dung các hoạt động đo đạc và bản đồ phải cấp phép trong đó bao gồm cả các nội dung hoạt động mà theo quy định phải đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ.

6. Thủ tục Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002953-TT (cấp Bộ)

a) Sửa đổi số lượng hồ sơ giảm từ hai (02) bộ xuống còn một (01) bộ hồ sơ;

b) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời hạn xem xét sự đầy đủ theo quy định của hồ sơ và số lần hướng dẫn bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định. Cơ quan cấp phép chỉ được hướng dẫn và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, hợp lệ một (01) lần duy nhất;

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

- Bỏ nội dung kê khai về "Hạng của doanh nghiệp";

- Bỏ kê khai về vốn pháp định, vốn lưu động;

- Bỏ quy định nộp văn bằng tốt nghiệp chuyên môn đối với người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bổ sung quy định thành phần hồ sơ có văn bằng của người phụ trách kỹ thuật chính.

7. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002955-TT (cấp Bộ)

a) Sửa đổi số lượng hồ sơ giảm từ hai (02) bộ xuống còn một (01) bộ hồ sơ;

b) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời hạn xem xét sự đầy đủ theo quy định của hồ sơ và số lần hướng dẫn bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định. Cơ quan cấp phép chỉ được hướng dẫn và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, hợp lệ một (01) lần duy nhất;

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Bỏ nội dung kê khai về"Hạng của doanh nghiệp".

8. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002626-TT (cấp tỉnh)

a) Về thành phần hồ sơ

- Sửa đổi, bổ sung quy định: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng nhận của công chứng Nhà nước thành cá nhân, tổ chức lựa chọn một trong ba phương án sau:

+ Bản sao chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;

+ Bản sao chụp và kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao có chứng thực của nơi cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Bỏ quy định thành phần hồ sơ bản sao Quy chế hoặc Điều lệ hoạt động của tổ chức có chứng nhận của công chức Nhà nước trong thành phần hồ sơ.

b) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời hạn xem xét sự đầy đủ theo quy định của hồ sơ và số lần hướng dẫn bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định: Cơ quan cấp phép chỉ được hướng dẫn và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, hợp lệ một (01) lần duy nhất;

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bỏ nội dung kê khai về: "Hạng của doanh nghiệp";

- Bỏ kê khai về vốn pháp định, vốn lưu động;

- Bỏ quy định nộp văn bằng tốt nghiệp chuyên môn đối với người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bổ sung quy định thành phần hồ sơ có văn bằng của người phụ trách kỹ thuật chính.

d) Chi tiết hóa nội dung các hoạt động đo đạc và bản đồ phải cấp phép trong đó bao gồm cả các nội dung hoạt động mà theo quy định phải đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ.

9. Thủ tục Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. B-BTM-002954-TT (cấp tỉnh)

a) Về thời hạn giải quyết: Bổ sung quy định về thời hạn xem xét sự đầy đủ theo quy định của hồ sơ và số lần hướng dẫn bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định: Cơ quan cấp phép chỉ được hướng dẫn và yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, hợp lệ một (01) lần duy nhất;

b) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

- Bỏ nội dung kê khai về "Hạng của doanh nghiệp";

- Bỏ kê khai về vốn pháp định, vốn lưu động;

- Bỏ quy định nộp văn bằng tốt nghiệp chuyên môn đối với người chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bổ sung quy định thành phần hồ sơ có văn bằng của người phụ trách kỹ thuật chính.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

+ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP;

+ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

+ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

+ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 31, 34, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 mục I; tiết 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, mục II; tiết 2, 7, 8, 9, 13, 14 mục III; tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14 mục IV; tiết 2, 3, 4, 5, 12, 13, 14, 15, 16 mục V; tiết 5, 8 mục VI phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

+ Quyết định số 02/2006/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về tài liệu và thủ tục công nhận chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản rắn được ban hành kèm theo;

+ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

+ Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

+ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 Mục II; tiết 2, 7, 8, 9, 13, 14 Mục III; tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Mục IV; tiết 2, 3, 4, 5, 12, 13, 14, 15, 16 Mục V; tiết 5, 8 Mục VI Phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các quy định có liên quan tại Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu giai đoạn 2007 - 2010 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 11, mục V phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý và quản lý hồ sơ địa chính;

+ Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại;

+ Thông tư số 11/2006/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ;

+ Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26 ngày 7 tháng 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp thư xác nhận, cấp thư phê duyệt dự án theo cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto;

+ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định về phân cấp trữ lượng, tài nguyên khoáng sản rắn;

+ Quyết định số 02/2006/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tài liệu và thủ tục công nhận chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản rắn được;

+ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

+ Quyết định số 34/2002/QĐ-BCN ngày 28 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành "Quy định về giao nộp báo cáo địa chất và cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản";

+ Quyết định số 1456/QĐ-ĐCKS ngày 04 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành quy chế "Đóng cửa mỏ các khoáng sản rắn";

+ Quyết định số 1136/QĐ-ĐCKS ngày 30 tháng 7 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành quy định nội dung, thủ tục xác nhận tính hợp pháp của tài liệu, mẫu vật địa chất và khoáng sản đưa ra nước ngoài;

+ Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất;

+ Quyết định số 614/QĐ-KTTV ngày 06 ngày 9 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn ban hành quy chế Giao nộp, lưu trữ, bảo quản, khai thác tư liệu khí tượng thủy văn;

+ Quyết định số 136/QĐ-KTTV ngày 12 tháng 3 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn ban hành Quy chế quản lý chất lượng phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn;

+ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 10, 11, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 38, 40, 41 mục I; tiết 1, 2, 3, 4, 5, 21, 22, 23, 24 mục II; tiết 1, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12 mục III; tiết 7, 8, 15, 16, 17, 18 mục IV; tiết 1, 6, 7, 8, 9, 10, 11 mục V; tiết 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9 mục VI phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Xây dựng dự thảo Thông tư để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 31, 34, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng